



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Trụ sở: Tầng 3 Tòa nhà Green, số 7 Lô 28A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tel: (84-225) 3556002 Fax: (84-225) 3556008

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

www.hapaco.vn

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI

Tài liệu: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 08/5/2021

Địa điểm: Trung tâm Hội Nghị Thành phố Hải Phòng, số 18 đường Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Nội dung chương trình Đại hội

Nội quy làm việc của Đại hội

❖ CÁC VĂN KIỆN TẠI ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; Dự thảo phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2021
2. Báo cáo kiểm điểm hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
4. Quy chế bầu cử HĐQT, BKS
5. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
6. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021
7. Tờ trình thông qua phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020
8. Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
9. Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT quyết định đầu tư
10. Tờ trình về việc sửa đổi, ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động
11. Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động
12. Dự thảo quy chế nội bộ về quản trị công ty
13. Dự thảo Quy chế hoạt động của hội đồng quản trị
14. Dự thảo Quy chế hoạt động của ban kiểm soát
15. Tờ trình điều chỉnh, sửa đổi ngành nghề kinh doanh
16. Tờ trình kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2026
17. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ



CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU HÀNH NỘI BỘ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
08h00' - 08h30'	Đón tiếp cổ đông, kiểm soát y tế, phát tài liệu, đăng ký dự họp	Ban Tổ chức
08h30' - 08h45'	Văn nghệ chào mừng	Đội Văn nghệ
08h45' - 09h00'	Chào cờ - Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban Tổ chức
	Thông qua Nội quy Đại hội	
	Thông qua Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông	
09h00' - 09h15'	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội	Hội đồng quản trị
	Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội	
	Thông qua chương trình Đại hội	
09h15' - 09h30'	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2021	Ban Tổng giám đốc
09h30' - 09h45'	Báo cáo Kiểm điểm của Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị
09h45' - 10h00'	Báo cáo của Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát
10h00' - 10h15'	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:	Hội đồng quản trị
	<i>Báo cáo phương án nhân sự bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026</i>	
	<i>Thông qua thể lệ bầu cử, bầu ban kiểm phiếu</i>	
	<i>Tiến hành bầu cử, kiểm phiếu</i>	Ban Bầu cử
10h15' - 10h30'	Các tờ trình, trình Đại hội đồng cổ đông:	Hội đồng quản trị
	<i>Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2020; Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư; Tờ trình sửa đổi, ban hành điều lệ công ty, điều chỉnh sửa đổi ngành nghề kinh doanh. Thông qua quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của HĐQT; quy chế hoạt động của BKS.</i>	
10h30' - 10h45'	Tờ trình về kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2026	Hội đồng quản trị
10h45' - 11h00'	Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	Hội đồng quản trị
11h00' - 11h15'	Đại hội thảo luận	Hội đồng quản trị
	Biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội	
11h15' - 11h30'	Công bố kết quả bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 và ra mắt đại hội	Ban Bầu cử
11h30' - 11h45'	Thông qua Nghị quyết Đại hội	Tổ thư ký
11h45'	Bế mạc Đại hội - Chào cờ	Chủ tọa Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

**NỘI QUY LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Nội quy này quy định về các nguyên tắc chung trong tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco.

Đại biểu cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định trong nội quy này.

ĐỐI VỚI BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

1. Đại hội được tổ chức theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tập đoàn do hội đồng quản trị đương nhiệm điều hành theo nội dung đã thông báo được đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết.
2. Hội đồng quản trị tiến hành đại hội khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần biểu quyết (*Điều 145 Luật doanh nghiệp*)
3. Chủ tịch hội đồng quản trị chủ tọa phiên họp chịu trách nhiệm điều hành đại hội và giới thiệu thành viên tham gia đoàn chủ tịch đại hội.
4. Ban thư ký đại hội, ban kiểm phiếu do chủ tọa đại hội giới thiệu và thông qua đại hội đồng cổ đông
5. Ban tổ chức giúp việc tổ chức đại hội, được thành lập theo quyết định số 16/2021/QĐ-HĐQT-HAP ngày 12/4/2021 của hội đồng quản trị.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông đến dự đại hội phải xác nhận với ban tổ chức về số cổ phần sở hữu hoặc cổ phần đại diện ủy quyền. Mỗi cổ phần tương ứng với 01 quyền biểu quyết, mỗi cổ đông dự họp có một phiếu biểu quyết, một phiếu bầu cử HĐQT, một phiếu bầu cử BKS và một bộ tài liệu.
2. Cổ đông dùng phiếu biểu quyết, để biểu quyết từng nội dung theo yêu cầu của chủ tọa.
Thẻ lệ biểu quyết: Đại hội sẽ lấy biểu quyết của cổ đông với các tiêu chí như: Tán thành, không tán thành và ý kiến khác.
3. Cổ đông muốn phát biểu ý kiến của mình phải giơ phiếu xác nhận cổ phần dự họp và được chủ tọa đồng ý. Ý kiến phát biểu của cổ đông đúng với nội dung chương trình nghị sự của đại hội, bảo đảm ngắn gọn và rõ ràng nội dung cần nói. Mỗi ý kiến phát biểu không quá 5 phút.
4. Cổ đông dự họp phải nghiêm túc giữ gìn trật tự, văn minh khi vào hội trường. Không hút thuốc, không nói chuyện riêng, trong cuộc họp đề nghị tắt máy điện thoại di động hoặc để điện thoại di động ở chế độ họp, chế độ rung.

CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Ban thư ký có trách nhiệm ghi lại đầy đủ toàn bộ nội dung chương trình nghị sự và ý kiến của các cổ đông vào biên bản đại hội.
2. Thẻ lệ biểu quyết: Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết/phiếu bầu.

Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Quá trình diễn ra đại hội, ban tổ chức có quyền mời ra khỏi cuộc họp những cổ đông gây rối, mất trật tự, không tuân thủ nội quy và coi như cổ đông đó tự bỏ quyền biểu quyết của mình.

Trên đây là nội quy đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, đề nghị đại biểu cổ đông đến dự đại hội phối hợp thực hiện tốt để đại hội thành công.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận

- HĐQT, BKS/d/b
- Quý Cổ đông/t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2020

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 diễn ra trong bối cảnh hiểm họa đại dịch viêm đường hô hấp cấp (Covid-19) tiếp tục bùng phát mạnh, đầy kịch tính, nằm ngoài nhiều dự báo và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn tiếp tục đối mặt với tình trạng khủng hoảng, suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua.

Trong nước, bên cạnh những thuận lợi đạt kết quả tích cực duy trì được đà tăng trưởng dương. Nhưng kinh tế vĩ mô phải tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, nghề, lĩnh vực bị chậm lại. Tình hình đứt gãy các chuỗi thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và đầu tư của cộng đồng doanh nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao, ảnh hưởng đến mọi mặt kinh tế, xã hội, đời sống của nhân dân và công nhân viên lao động.

Trong bối cảnh chung đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (Tập đoàn) năm 2020, cũng không có ngoại lệ, hoạt động đan xen giữa những thuận lợi cơ bản và những khó khăn chủ yếu như sau:

1. Thuận lợi

Tập đoàn luôn nhận được sự tin tưởng, cổ vũ, động viên khích lệ của quý cổ đông, các đơn vị trong ngành và sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương và các Sở, Ban, Ngành của thành phố Hải Phòng và các tỉnh nơi có các công ty thành viên.

Các mối quan hệ lâu năm với các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống và các hiệp hội ngành nghề tiếp tục được gây dựng, củng cố và phát triển.

Đội ngũ cán bộ, công nhân viên lao động có năng lực, kinh nghiệm, đoàn kết, gắn bó, mẫn cán, nhiệt tình trong mọi nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn

Nguồn nguyên liệu chính (tre, lúa, luồng, vầu) cung ứng cho hoạt động sản xuất giấy để và gia công giấy xuất khẩu không ổn định, ngày càng cạn kiệt, thiếu, nhờ, cạnh tranh gay gắt, đẩy giá thu mua lên cao, làm tăng giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả sản xuất.

Thiếu nguyên liệu, không khai thác được hết công suất của máy, thiết bị và các dây truyền sản xuất, dẫn đến sản lượng sụt giảm, công nhân lao động thiếu việc làm.

Thị trường cạnh tranh, biến động thất thường, bất lợi cả về giá và sản lượng tiêu thụ. Đối tác đặt nhiều đơn hàng xuất khẩu, khó, ghép, nhỏ lẻ, tính chất phức tạp, làm tăng chi phí nhân công gia công, tác động sụt giảm sản lượng, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, từ giữa quý III và cả quý IV/2020 chi phí cước vận tải biển xuất khẩu hàng hóa tăng đột biến (có những thời điểm cước tăng lên đến 400%), sản phẩm sản xuất ra không xuất khẩu được do không có vỏ container rỗng để đóng xếp hàng xuất khẩu, dẫn đến sản phẩm tồn kho, đọng vốn, nhiều thời điểm phải tạm ngừng sản xuất dài ngày, gây sụt giảm sản lượng nghiêm trọng, tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh bị sụt giảm sâu.

Thiếu lực lượng lao động, do biến động dịch chuyển đến các khu kinh tế, khu công nghiệp và các doanh nghiệp nước ngoài, gây không ít khó khăn trong việc thực hiện các đơn hàng xuất khẩu.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tập đoàn

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng dưới sự chỉ đạo trực tiếp sâu sát và động viên kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn, cùng sự quan tâm chỉ đạo, đồng hành, chia sẻ hợp tác giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và sự đoàn kết, thống nhất của tập thể cán bộ, công nhân viên lao động. Tập đoàn đã từng bước tháo gỡ, khắc phục khó khăn, tìm kiếm bổ sung nguồn nguyên liệu đầu vào bảo đảm cho sản xuất, giữ vững được thị trường, cơ bản hoàn thành được mục tiêu kép phòng chống dịch Covid-19 bảo đảm an toàn và đạt được kết quả tăng trưởng về lợi nhuận so với năm 2019.

Tổng hợp tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2020	SỐ SÁNH %
1.1	Tổng sản lượng sản xuất	Tấn	37.406	31.018	82,92
	Giấy đế	Tấn	21.650	15.138	69,92
	Trong đó xuất khẩu	Container	1.140	825	72,37
	Giấy Kraft	Tấn	12.834	13.817	107,66
	Giấy Tissue	Tấn	2.922	2.063	70,6
1.2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	376.944	334.507	88,74
	Trong đó doanh thu xuất khẩu	USD	12.231.081	8.258.350	67,52

1.3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.509	35.741	140,11
1.4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	30.977	26.799	Nộp đúng, nộp đủ

2. Hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh

2.1. Khối nghiệp vụ

Các phòng nghiệp vụ đã tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng tháng, hằng quý để Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt giao cho các đơn vị; đề xuất điều chỉnh kế hoạch sát hợp với thực tế khi có những biến động và tác động khách quan; kết nối thông tin, trao đổi trực tuyến về các nghiệp vụ quản lý, tài chính, kế toán, nhân lực...trong bối cảnh chịu tác động chi phối của dịch covid-19; thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát và giám sát nội bộ về công tác quản lý điều hành tại các công ty, đơn vị, có các báo cáo, kiến nghị và đề xuất hợp lý để Hội đồng quản trị xem xét đưa ra các quyết sách, chỉ đạo kịp thời.

2.2. Khối sản xuất công nghiệp

Do các nguyên nhân khách quan là chủ yếu như nguồn nguyên liệu đầu vào ngày càng cạn kiệt, sụt giảm, thị trường biến động thất thường, thiếu lao động, giãn đoạn xuất khẩu do không có vỏ container rỗng để đóng xếp hàng, nhiều thời điểm phải ngừng sản xuất...như đã nêu trên và một số yếu tố nguyên nhân khác, đã tác động làm sụt giảm sản lượng giấy đế, giấy xuất khẩu và giấy tissue, cụ thể:

Sản lượng sản xuất giấy đế đạt 15.138 tấn = 69,92% cùng kỳ. Trong đó xuất khẩu đạt 825 container = 72,37% cùng kỳ.

Sản lượng giấy tissue đạt 2.063 tấn = 70,6% cùng kỳ.

Sản lượng giấy kraft đạt 13.817 tấn = 107,66% cùng kỳ, tăng trưởng so với năm 2019, nhưng giá thành sản phẩm bị tăng do chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và các loại vật tư đầu vào đều tăng cao, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất.

3. Hoạt động xúc tiến đầu tư

Kế thừa phát huy truyền thống khắc phục vượt khó, tiên phong trong đầu tư lên các tỉnh miền núi góp phần xóa đói giảm nghèo, thực hiện thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp, tiên phong tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam, phát hành cổ phiếu huy động vốn, tranh thủ mọi nguồn lực nhân rộng trong xã hội cho mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

Trong năm qua Tập đoàn đã lần lượt khảo sát, thuê tư vấn, xúc tiến đầu tư, lập hồ sơ và các thủ tục pháp lý có liên quan trình các Sở, Ngành và UBND thành phố Hải Phòng, các Sở, Ngành và UBND các tỉnh và các Bộ, Ngành liên quan, xin chủ trương đầu tư các dự án mới (để chuyển đổi và dần thay thế một bộ phận ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiện tại hiệu quả thấp), như Dự án nhà máy chế biến cà phê HAPACO Sơn La, tại tỉnh Sơn La; Dự án Xây dựng Nhà máy Điện gió HAPACO Gia Lai, tại tỉnh Gia Lai, công suất 100 MW; Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Green Việt Hàn (bệnh viện thứ hai) tại

huyện Thủy Nguyên (sau này là thành phố Thủy Nguyên, trực thuộc thành phố Hải Phòng) công suất 600 giường (gấp 3 lần Bệnh viện Quốc tế Green hiện nay); Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại địa chỉ 441A đường Tôn Đức Thắng ; Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi quốc tế Sông Giá Minh Tân; Dự án Đầu tư giai đoạn 2 nhà máy Giấy Kraft, nâng công suất 50.000 tấn/năm và một số dự án trọng điểm khác, nhằm tạo ra giá trị mới, lợi ích lớn hơn cho Tập đoàn và cổ đông.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác

4.1. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ

Đặc thù hoạt động của Tập đoàn, có các công ty, đơn vị thành viên trải rộng trên địa bàn nhiều tỉnh khác nhau, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến nguyên liệu, gia công hàng xuất khẩu và sản xuất các sản phẩm tiêu thụ nội địa có sử dụng nhiên liệu, vật tư và nguyên liệu dễ cháy. Do đó công tác tuần tra, kiểm tra, giám sát, bảo vệ, bảo đảm an ninh trật tự; tuyên truyền, huấn luyện bảo đảm an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy, nổ luôn được quan tâm. Sản xuất bảo đảm an toàn, an ninh trật tự được giữ vững, không có tai nạn lao động, không có cháy, nổ, tính mạng của người lao động và tài sản của các công ty, đơn vị thành viên và của Tập đoàn được bảo đảm an toàn.

4.2. Tổ chức việc làm, chăm lo chế độ chính sách và đời sống người lao động

Do phải chịu tác động và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều thời điểm sản phẩm sản xuất ra không xuất khẩu được do thiếu không có container rỗng để đóng hàng xuất khẩu, phải tạm ngừng sản xuất, sản lượng sản xuất bị sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến việc làm và thu nhập của người lao động. Nhưng Tập đoàn, đã chỉ đạo có các giải pháp cụ thể hợp lý, bố trí lao động luân phiên, phụ cấp hỗ trợ tiền lương, thực hiện đầy đủ và giải quyết kịp thời các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN, ốm đau, thai sản và các chế độ chính sách liên quan để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó, cống hiến cho Tập đoàn.

4.3. Công tác xã hội, hoạt động từ thiện

Kết hợp hài hòa giữa việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Tập đoàn còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, thiện nguyện, ủng hộ, đóng góp cho các quỹ đền ơn, vì người nghèo, bảo trợ nạn nhân chất độc da cam, khuyến học..., với số tiền gần 2 tỷ đồng trong năm 2020, chia sẻ cùng cộng đồng, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

5. Hoạt động của tổ chức đảng và các tổ chức chính trị

Tổ chức đảng, công đoàn và đoàn thanh niên của Tập đoàn, được kiện toàn, củng cố, tổ chức và hoạt động theo quy định của từng tổ chức, là nơi quy tụ, họp, bàn, tham mưu, hiến kế, sinh hoạt, chia sẻ tâm tư nguyện vọng của đảng viên, đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên, được Hội đồng quản trị tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và hỗ trợ kinh phí để các tổ chức hoạt động đạt hiệu quả.

Cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị và các tổ chức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến và vận động đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công nhân viên lao động, gương mẫu chấp hành pháp luật, quy định của tổ chức, điều lệ, nội quy lao động và các quy định của Tập đoàn được thực hiện khá tốt. Phong trào thi đua lao động

sáng tạo, lao động giỏi, nâng cao năng suất, chất lượng, thực hành tiết kiệm,...luôn có sự đồng thuận, lan tỏa. Việc chăm lo bảo đảm việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ, tặng quà động viên và khen thưởng khích lệ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, người lao động có thành tích cao trong lao động sản xuất, kinh doanh được thực hiện thường xuyên. Việc chăm lo động viên các cháu là con cán bộ, đảng viên, đoàn viên có thành tích xuất sắc trong học tập năm học 2019 - 2020 và tặng quà nhân dịp ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6 và tết Trung thu được duy trì thực hiện tốt.

III. NHỮNG MẶT CÒN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Công tác quản lý điều hành ở một số công ty, đơn vị thành viên chưa tốt, nhiều hạn chế; Tồn tại khuyết điểm chưa khắc phục triệt để, xử lý chưa kịp thời và chuyển biến rất chậm.

Cơ chế khoán quản lý, khoán lợi nhuận thực hiện còn chậm, mới được 1/6 đơn vị. Chưa làm rõ được trách nhiệm của người đứng đầu các công ty, đơn vị có sức ỳ lớn.

Nhiều thời điểm chất lượng hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ chưa được coi trọng; chi phí cho sản xuất kinh doanh ở hầu hết các đơn vị ngày một tăng cao, hiệu quả rất thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh chung của Tập đoàn.

Hệ thống máy, thiết bị và các dây truyền sản xuất giấy để, công nghệ cũ, chưa được nâng cấp, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 dự báo tiếp tục là một năm khó khăn đối với kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, do đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến khó lường, kinh tế trong nước dự báo triển vọng khả quan hơn, hồi phục tiếp đà tăng trưởng nhưng sẽ vẫn thấp và chậm; sức ép cạnh tranh, thu hẹp thị trường, giảm sức mua, giảm giá bán, sẽ có những tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của toàn Tập đoàn.

Để giảm thiểu những khó khăn tác động, phụ thuộc, tiếp tục kế thừa phát huy truyền thống khắc phục vượt khó, tiên phong trên nhiều lĩnh vực của Tập đoàn trong suốt chặng đường xây dựng phát triển. Ngay từ những ngày đầu năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức giao kế hoạch pháp lệnh, ký kết giao ước thi đua, phát động thi đua, phân đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ năm 2021, cụ thể:

I. KHÓI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất giấy để xuất khẩu

Tăng cường nguồn lực cho việc tổ chức thu mua, tập kết nguyên liệu, bảo đảm đáp ứng kịp thời, đủ nguyên liệu cho sản xuất; lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy, thiết bị, dây chuyền sản xuất, công trình, nhà xưởng, kho, bãi tập kết..., bảo đảm duy trì sản xuất thông suốt liên tục, không ách tắc gián đoạn.

Định kỳ hằng tháng tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm quản lý, công tác điều hành, kiểm tra, giám sát, cải tiến kỹ thuật, cải tiến máy, thiết bị, dây chuyền, quy trình công

nghe, tiết giảm các định mức tiêu hao, tiết giảm chi phí...giữa các đơn vị sản xuất giấy để xuất khẩu trong Tập đoàn để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh và chiếm ưu thế trên thị trường.

2. Sản xuất giấy kraft và giấy tissue

Tổ chức mở rộng địa bàn và mạng lưới thu mua nguyên liệu đầu vào, đáp ứng đầy đủ kịp thời, bảo đảm cho sản xuất ổn định, liên tục.

Cải tiến công nghệ để tối ưu hóa sản xuất đa dạng các loại sản phẩm, gắn với nâng cao chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và đẩy mạnh công tác khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu, để tăng sức cạnh tranh, bảo đảm tiêu thụ hết sản phẩm sau sản xuất, không để tồn kho, đọng vốn, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Chỉ tiêu kế hoạch

Căn cứ vào thực tế hệ thống máy, thiết bị và công suất các dây chuyền sản xuất hiện có, công tác khảo sát, nghiên cứu, dự báo thị trường, dự báo những thuận lợi, khó khăn. Tập đoàn xây dựng kế hoạch năm 2021, với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021
3.1	Tổng sản lượng sản phẩm	Tấn	37.870
	Giấy đế	Tấn	20.000
	Trong đó xuất khẩu	Container	1.100
	Giấy Kraft	Tấn	15.000
	Giấy Tissue	Tấn	2.800
3.2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	470.000
	Trong đó doanh thu xuất khẩu	USD	12.500.000
	Doanh thu dịch vụ tài chính thương mại	Triệu đồng	10.000
3.3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.000
3.4	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	Nộp đúng, nộp đủ

II. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và đầu tư, tăng doanh thu, tăng hiệu quả hoạt động, nhằm tạo ra các chuỗi giá trị mới và lợi ích lớn hơn cho Tập đoàn và cổ đông. Trong năm 2021 Tập đoàn tiếp tục phối hợp với UBND thành phố Hải Phòng, UBND tỉnh Gia Lai, tỉnh Sơn La và các Bộ, Sở, Ngành, địa phương liên quan, hoàn tất các thủ tục hồ sơ pháp lý để triển khai các dự án theo phương châm lấy ngắn nuôi dài, để giảm áp lực về huy động giải ngân vốn, theo thứ tự ưu tiên đầu tư:

1. Dự án đầu tư hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Cafe HAPACO Sơn La, tại tỉnh Sơn La (sản xuất chế biến cafe xuất khẩu; chế biến nông lâm sản xuất khẩu).
2. Dự án Xây dựng Nhà máy Điện gió HAPACO Gia Lai, tại tỉnh Gia Lai, công suất 100 MW (chia làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn 50 MW).
3. Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Green Việt Hàn (bệnh viện thứ hai) tại huyện Thủy Nguyên (sau này là thành phố Thủy Nguyên, trực thuộc thành phố Hải Phòng) công suất 600 giường (gấp 3 lần Bệnh viện Quốc tế Green hiện nay).
4. Dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi quốc tế Sông Giá Minh Tân tại huyện Thủy Nguyên (sau này là thành phố Thủy Nguyên, trực thuộc thành phố Hải Phòng) công suất 800 giường dưỡng lão (chia làm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 300 giường, giai đoạn 2 500 giường).
5. Dự án xây dựng khu nhà ở thương mại tại khu đất số 441A Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
6. Dự án đầu tư giai đoạn 2 nhà máy giấy Kraft, nâng công suất lên 50.000 tấn/năm.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Ưu tiên tập trung nguồn lực cho các công ty, đơn vị thành viên đang hoạt động trong khối sản xuất công nghiệp hiện tại (giấy để, giấy vàng mã xuất khẩu, giấy kraft, giấy tissue) đáp ứng đầy đủ nguyên liệu và các yếu tố đầu vào, tháo gỡ khó khăn kịp thời, bảo đảm cho sản xuất ổn định, thông suốt, liên tục, không gián đoạn, để gia tăng năng suất, nâng cao chất lượng và ổn định chất lượng, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng cạnh tranh, giữ vững thị trường, tăng hiệu quả.
2. Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất, để phân tích đánh giá khách quan về năng lực, lợi thế, những khó khăn, bất cập, hạn chế để đạt hiệu quả kinh tế của các đơn vị sản xuất công nghiệp, để kiện toàn và tái cấu trúc lại theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.
3. Điều chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp, sát với thực tế biến động của thị trường và quyết liệt trong việc thực hiện cơ chế khoán quản lý, khoán lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, khoán lợi nhuận trên doanh thu tại tất cả các đơn vị hoàn thành trong quý II/2021, để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo động lực và gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu các công ty, đơn vị thành viên.
4. Củng cố thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu hiện có, gắn với việc mở rộng thị trường và mạng lưới thu mua nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra để bảo đảm chủ động, tăng sức cạnh tranh.
5. Đầu tư tăng cường nguồn lực cả về tài chính và nhân lực cho Phòng đầu tư Kinh doanh, để bảo đảm tối ưu các kế hoạch, chiến lược kinh doanh chuyên sâu, chuyên nghiệp trên nhiều lĩnh vực như thương mại, tài chính, chứng khoán và bất động sản để gia tăng hiệu quả.
6. Gấp rút đẩy nhanh việc xúc tiến triển khai các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên, để sớm động thổ, xây dựng, góp phần nâng cao năng lực, sớm tạo ra các chuỗi giá trị mới và lợi ích lớn cho Tập đoàn và cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn

mong nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các quý vị cổ đông để Tập đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị Tập đoàn, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn !

Nơi nhận

- HĐQT, BKS, BTGD;
- Quý cổ đông;
- Lưu HCTH;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ XUÂN THỦY

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Căn cứ nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Tập đoàn, báo cáo kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và dự thảo phương hướng kế hoạch quản trị Tập đoàn năm 2021, cụ thể:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Những thuận lợi của Tập đoàn luôn được duy trì là sự lan tỏa và niềm tin của nhà đầu tư, của quý vị cổ đông và khách hàng luôn được củng cố vững chắc, đó chính là động lực kích thích thúc đẩy Tập đoàn phát triển.

Hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, cán bộ nhân viên và người lao động toàn Tập đoàn, luôn đoàn kết, tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn hướng tới lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới, kinh tế khu vực và kinh tế trong nước, đã luôn làm nảy sinh thêm những khó khăn, mà các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn, bắt buộc phải thích ứng và phải chủ động tìm các biện pháp, giải quyết tháo gỡ.

Các chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, hóa chất, phụ gia và các yếu tố đầu vào khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hầu như không ổn định, thường xuyên biến động và tăng cao, trong khi đó giá đầu ra cho sản phẩm hầu như không thể tăng được trước sự cạnh tranh khốc liệt ở cả thị trường trong và ngoài nước, dẫn đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng và mong mỏi của các nhà đầu tư, của quý vị cổ đông và của cán bộ, nhân viên và người lao động của Tập đoàn.

Thị trường giấy vàng mã tại Đài Loan biến động ngày càng xấu đi do cung nhiều hơn cầu làm giá bán giảm.

Một số đơn vị thành viên hoạt động còn mang tính chất bao cấp, chưa tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ chế khoán lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, lợi nhuận/doanh thu chưa được thực hiện triệt để.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

1. Các chỉ tiêu chính đạt được

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2020	SỐ SÁNH %
1.1	Tổng sản lượng sản xuất	Tấn	37.406	31.018	82,92
	Giấy đế	Tấn	21.650	15.138	69,92
	Trong đó xuất khẩu	Container	1.140	825	72,37
	Giấy Kraft	Tấn	12.834	13.817	107,66
	Giấy Tissue	Tấn	2.922	2.063	70,6
1.2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	376.944	334.507	88,74
	Trong đó doanh thu xuất khẩu	USD	12.231.081	8.258.350	67,52
1.3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.509	35.741	140,11
1.4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	30.977	26.799	Nộp đúng, nộp đủ

2. Quản trị nguồn nhân lực

Hội đồng quản trị đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm và từ chức của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp từ Tập đoàn đến các Công ty thành viên cho hợp với quy mô, đặc thù, tính chất ngành nghề và lĩnh vực hoạt động, để thu hút hiền tài. Tạo động lực, tạo sức cạnh tranh, kích thích, thúc đẩy, nâng cao uy tín, đạo đức, năng lực, trách nhiệm, đóng góp, cống hiến... của đội ngũ cán bộ quản lý cho sự nghiệp phát triển Tập đoàn.

Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, các tổ chức đoàn thể và các bộ phận liên quan, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh tăng tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, để người lao động yên tâm làm việc, lao động cống hiến cho Tập đoàn.

3. Quản lý hoạt động tài chính

Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Tập đoàn, nguồn vốn lưu động ưu tiên tập trung cho sản xuất và đầu tư.

Chỉ đạo hệ thống kế toán từ Tập đoàn đến các Công ty thành viên, thực hiện hạch toán và quản lý dòng tiền hợp lý, đa dạng các phương án và các kênh huy động vốn, gắn với kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu tiền hàng, thu hồi công nợ, không để khách hàng chiếm dụng vốn, tạo sự chủ động trong việc điều tiết, luân chuyển, bảo đảm quay vòng vốn hiệu quả, hạn chế sự phụ thuộc vốn vay tín dụng, bảo đảm phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư ổn định, an toàn.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 được thực hiện đúng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

4. Quản lý giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc các công ty thành viên bám sát sản xuất, kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và các kiến nghị của khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng và thời hạn thanh toán tiền hàng.

Chỉ đạo kết hợp tốt giữa cải tạo, nâng cấp thiết bị với tập trung sản xuất các sản phẩm truyền thống có thể mạnh như giấy kraft, giấy vàng mã xuất khẩu, giấy tissue.

Thực hiện triệt để cơ chế khoán lợi nhuận/doanh thu đối với các đơn vị thành viên.

5. Quản lý giữ vững thị trường tiêu thụ sản phẩm

Năm 2020, mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Tập đoàn vẫn khẳng định được chỗ đứng vững chắc đối với thị trường giấy xuất khẩu và thị trường giấy nội địa. Trong đó giấy để và giấy vàng mã xuất khẩu, sản phẩm sản xuất ra đến đâu đều tiêu thụ hết đến đó, có những thời điểm còn không cung cấp đủ sản phẩm cho khách hàng. Giấy tissue tiêu thụ ổn định, về cơ bản không có hàng tồn kho và có thị trường đủ rộng để tiêu thụ.

Thực hiện công tác khoán quản, khoán sản phẩm, khoán doanh thu và lợi nhuận, đã góp phần kích thích nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, củng cố uy tín, thương hiệu tạo sức hút đối với khách hàng, trong đó phải kể đến các đối tác, khách hàng lâu năm và khách hàng truyền thống.

IV. CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

Năm 2020, Tập đoàn đã thực hiện theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 là chia cổ tức bằng tiền mặt 3% của năm 2019 và thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị và các thành viên ban kiểm soát năm 2020.

V. TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp mở rộng tới ban kiểm soát và cán bộ chủ chốt của Tập đoàn, gồm các nội dung:

- Sơ kết hàng tháng, thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và giao chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, hàng quý năm 2020 cho các Công ty thành viên và các phòng nghiệp vụ của Tập đoàn.
- Thông qua một số chủ trương thực hiện 06 dự án đầu tư phát triển; Công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2021.
- Thông qua việc mua thêm cổ phần tại Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Green;
- Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc;
- Thông qua việc thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020
- Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị và cá nhân hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ năm 2020.

Các nghị quyết của hội đồng quản trị đều đúng, trúng trọng tâm của từng giai đoạn, từng thời điểm, đưa ra các quyết sách quản trị, tổ chức chỉ đạo và điều hành kịp thời. Trực tiếp và gián tiếp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các Công ty thành viên, để đẩy mạnh tốc độ sản xuất kinh doanh, bù đắp sản lượng và doanh số cho những tháng bị giảm sút do khó khăn khách quan và chủ quan đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Phần thứ hai

DỰ THẢO PHƯƠNG HƯỚNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN NĂM 2021

I. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Tiếp tục chuẩn hóa và củng cố các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, phấn đấu để Hapaco trở thành nhà sản xuất giấy xuất khẩu và giấy nội địa lớn trong nước và khu vực, đủ lực, đủ sức cạnh tranh và hướng đến điều tiết chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường giấy xuất khẩu, sẵn sàng đảm trách và đáp ứng đầy đủ số lượng lớn đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp lớn, khách hàng lớn, khách hàng truyền thống và khách hàng lâu năm ở cả trong và ngoài nước.
2. Trước tình hình khó khăn khách quan do dịch bệnh, với phương châm biến thách thức thành cơ hội, Tập đoàn tìm mọi cách vượt qua khó khăn, xoay chuyển tình thế, thích ứng với thời cuộc, theo dòng chảy của dòng tiền trong xã hội.
3. Tổ chức, quản lý và điều hành thật tốt, thật chặt chẽ và khoa học các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ và đầu tư để san sẻ rủi ro, bổ trợ cho nhau và để tối đa hóa lợi nhuận, để có điều kiện thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và bảo đảm lợi ích của các cổ đông.
4. Đầu tư thỏa đáng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, có các chính sách đãi ngộ để thu hút hiền tài, gắn với xây dựng các chuẩn mực văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Luôn quan tâm, đề cao và chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực, xác định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cán bộ, nhân viên và người lao động trong mái nhà chung Hapaco, ở mỗi cương vị và mỗi vị trí công tác có nguồn nhân lực tốt và chuẩn mực, sẽ quyết định mọi thành quả và mọi thắng lợi của Tập đoàn.
5. Thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các cổ đông, không chỉ dừng lại ở việc mang lại lợi nhuận tối đa, mà còn thực hiện tốt việc quản lý rủi ro các cổ đông yên tâm đầu tư, đầu tư dài hạn và tiếp tục đầu tư vào các dự án mới trong kế hoạch và chiến lược phát triển Tập đoàn 2021 – 2026.

Căn cứ vào các chỉ tiêu thực tế đã đạt được trong năm 2020 và dự báo nhu cầu của thị trường năm 2021. Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu năm 2021 đã được nêu trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện tái cấu trúc hệ thống các công ty thành viên, hợp nhất và giải thể các đơn vị sản xuất kinh doanh kém hiệu quả và xử lý dứt điểm các vấn đề về tài sản, tài chính còn tồn đọng tại các công ty thành viên, các chi nhánh, dự án của Tập đoàn và các công ty, đơn vị liên doanh, liên kết.
2. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý tài chính, hạch toán, quản lý và kiểm soát dòng tiền; Điều chỉnh các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức giao khoán cho phù hợp và sát hơn với thực tế sản xuất, kinh doanh tại các đơn vị và diễn biến của thị trường, làm căn cứ để kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư để đạt được hiệu quả tối ưu.
3. Thực hiện quyết liệt và sâu sát công tác thu tiền hàng, thu hồi công nợ, không để khách hàng nợ đọng lâu hoặc chiếm dụng vốn, để điều tiết, luân chuyển vốn, đáp ứng nhanh, phục vụ kịp thời cho hoạt động của các Công ty thành viên và các chương trình kế hoạch đầu tư của Tập đoàn.

4. Tiếp tục đầu tư mới, đầu tư bổ sung và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị tại các Công ty thành viên theo lộ trình, gắn với nâng cao công tác quản lý, khai thác tối đa công suất thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường và khách hàng, bảo đảm sản xuất, kinh doanh và đầu tư an toàn, ổn định, phát triển, tăng trưởng và đạt hiệu quả.
5. Thực hiện công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ cho các dòng sản phẩm, giấy xuất khẩu ngoài thị trường Đài Loan, giấy tiêu thụ nội địa và các mặt hàng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Đồng thời không ngừng củng cố vững chắc mối quan hệ hợp tác với khách hàng lâu năm, khách hàng truyền thống để bảo đảm ổn định đầu ra cho sản phẩm.
6. Thành lập Phòng đầu tư tài chính để tranh thủ dòng tiền của xã hội, phát huy lợi thế nguồn lực, bảo toàn đồng vốn và phân đấu đem lại lợi nhuận tốt cho Tập đoàn.
7. Quyết liệt thực hiện kiện toàn nhân sự quản lý các cấp theo hướng tinh gọn, nhẹ, chuyên nghiệp. Tập trung nhân lực cho các vị trí trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các đơn vị, phá sức ì so kè, tạo động lực, tinh thần thoải mái, để cán bộ nhân viên và người lao động yên tâm, tin tưởng làm việc hiệu quả.
8. Chỉ đạo sát sao chương trình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021, mang lại hiệu quả thiết thực cho cổ đông và tăng vị thế của tập đoàn.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận

- HĐQT, BKS)/d/b
- Quý Cổ đông)/t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT **(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)**

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (Tập đoàn). Ban kiểm soát HAPACO (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2021 các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

Năm 2020 Ban Kiểm soát Tập đoàn đã tiến hành thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn HAPACO, cụ thể như sau:

Kiểm soát các công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của HĐQT, Ban TGD và các Công ty thành viên, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn HAPACO.

Tham dự và tham gia đóng góp ý kiến tại một số cuộc họp mở rộng của HĐQT; Kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đối với HĐQT, Ban TGD.

Xem xét, thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm của Tập đoàn và của các Công ty thành viên, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Công ty Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị của Kiểm toán viên.

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã phối hợp cùng với các bộ phận chức năng của Tập đoàn tiến hành kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại một số Công ty thành viên. Qua kiểm tra đã có những kiến nghị, đề xuất trong các biên bản và trong các cuộc họp với HĐQT, Ban TGD nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.

II. Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

- Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2020: Ngay từ đầu năm đã được HĐQT, Ban TGD triển khai quyết liệt, kết thúc năm 2020 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể :

+ Doanh thu: 334.507 tỷ đồng, đạt 88,72% kế hoạch năm.

+ Lợi nhuận: 35,741 tỷ đồng đạt 85,62% kế hoạch năm.

- Về chi trả cổ tức: Tập đoàn đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2020 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, tỷ lệ thực hiện là 3%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 300 đồng).

- Thù lao HĐQT, BKS: Đã chi trả thù lao của năm 2020 cho HĐQT, BKS theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ.

- Về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập: HĐQT đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt là Công ty Kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020, để thực hiện soát xét Báo cáo Tài chính bán niên năm 2020 và kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Tập đoàn.

III. Giám sát và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính kế toán của Tập đoàn và của các Công ty thành viên: Các chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty thành viên đều đúng theo các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và thống nhất xác nhận như sau: Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2020, được trình bày theo đúng quy định, phù hợp với hệ thống kế toán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

3. (Các phụ lục báo cáo kiểm toán được đính kèm tại tài liệu họp ĐHĐCĐ)

IV. Giám sát Công tác Quản trị điều hành năm 2020

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành các phiên họp định kỳ để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020. Trong một số cuộc họp mở rộng, HĐQT có mời các thành viên Ban Kiểm soát tới dự và tham gia ý kiến vào việc giải quyết, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc và tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

HĐQT đã thực hiện việc chỉ đạo, giám sát việc điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD Tập đoàn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn, đồng thời bám sát các mục tiêu, kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ của Tập đoàn, căn cứ vào tình hình nhân sự và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn, BKS xác định trọng tâm công tác năm 2021 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Tập đoàn.

2. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.

3. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch kiểm tra giám sát các Công ty thành viên và Hội sở Tập đoàn .

4. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2021 của Tập đoàn.

5. Các công việc khác theo yêu cầu của Cổ đông, HĐQT.

VI. Kết luận và Kiến nghị

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2020 cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đã đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng nghị quyết của ĐHĐCĐ, đạt hiệu quả kinh doanh. HĐQT, Ban TGD đã lãnh đạo toàn thể Người lao động trong Công ty nỗ lực không ngừng, mang lại giá trị gia tăng cho Tập đoàn

Ban Kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban TGD Tập đoàn một số vấn đề sau:

1. Tiếp tục rà soát, đánh giá lại hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư ở các Công ty thành viên hoạt động chưa có hiệu quả trong năm 2021, từ đó có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn hoặc cấu trúc lại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Tập đoàn.
2. Tập trung, tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, phát huy tối đa công suất của máy móc, thiết bị, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
3. Tiếp tục hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với sự biến động của giá cả thị trường để làm căn cứ kiểm soát chi phí sản xuất, kinh doanh.
4. Tăng cường công tác kế toán quản trị, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các Công ty thành viên.
5. Rà soát tình hình quản lý, sử dụng vốn của các Công ty thành viên để điều phối vốn nhịp nhàng và kịp thời cho các đơn vị trong toàn Tập đoàn.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ và phát huy hơn nữa vai trò của Ban Kiểm soát trong năm 2021, Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý Cổ đông, của HĐQT, sự hợp tác và phối hợp của Ban TGD Tập đoàn, các Công ty thành viên và các bộ phận nghiệp vụ trong toàn Tập đoàn.

Ban Kiểm soát Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HAPACO

T/M. BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận

- HĐQT, BKS, BTGD)/dlb

- Quý Cổ đông)/tlb

- Lưu HCNS

PHẠM ĐỨC PHIÊN

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CTCP TẬP ĐOÀN HAPACO, NHIỆM KỲ 2021 – 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco;
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng được thực hiện quyền bầu cử

- Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

ĐIỀU 2: Nhiệm kỳ, Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu bổ sung.

- Nhiệm kỳ của HĐQT và Ban kiểm soát là 2021-2026.
- Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 07 (bảy) thành viên.
- Số lượng thành viên BKS được bầu là 03 (ba) thành viên.
- Số lượng thành viên trong danh sách bầu cử HĐQT, BKS có thể bằng hoặc nhiều hơn số thành viên được bầu.
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

ĐIỀU 3: Hình thức, Phương thức bầu cử và Nguyên tắc bầu dồn phiếu:

3.1 Hình thức bầu cử:

- Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội. Có thể tiến hành bầu đồng thời HĐQT và BKS bằng hai loại phiếu bầu cử có màu và nội dung cụ thể khác nhau.

3.2 Phương thức bầu cử, nguyên tắc bầu dồn phiếu:

- Việc bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (là 07 thành viên) hoặc BKS (là 03 thành viên).
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Cách ghi phiếu bầu theo hình thức dồn phiếu: Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

Điều 4: Tổ chức và giám sát bầu cử:

Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại quy chế này.

Điều 5: Ban Kiểm phiếu:

5.1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT hay BKS.
- Ban Kiểm phiếu cử một người làm Trưởng ban để chủ trì việc tổ chức bầu cử.

5.2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
- + Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
- + Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;
- + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- + Phát và thu phiếu bầu.
- + Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.
- + Cùng Chủ tịch đoàn xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng quyết định.
- + Và các nhiệm vụ liên quan khác.
- Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

ĐIỀU 6: Phiếu bầu cử

6.1. Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

6.2. Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu do Công ty phát hành, có dấu treo của Công ty, mã số cổ đông và số cổ phần sở hữu/ đại diện có quyền biểu quyết và tổng số quyền biểu quyết mà họ đại diện tương ứng. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu để xem xét điều chỉnh.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp sẽ được phát 01(một) phiếu bầu thành viên HĐQT và phiếu 01 (một) phiếu bầu thành viên BKS theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

6.3. Cách ghi phiếu bầu cử:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “ Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông gạch chéo “ X” vào cột “ Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, bầu đủ cho tất cả số ứng cử viên được bầu (07 ứng cử viên đối với bầu HĐQT và 03 ứng cử viên đối với bầu BKS) hoặc không bầu cho ứng cử viên nào (phiếu trắng).
- Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (= số cổ phần x số thành viên được bầu).
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

6.4. Tính hợp lệ của phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi tuân thủ các quy định tại Quy chế này và không vi phạm một trong các lỗi sau:
 - Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.
 - Phiếu bầu cho quá 07 thành viên HĐQT độc lập và vượt quá 03 thành viên ban kiểm soát.
 - Phiếu nộp sau khi Ban Kiểm phiếu đã kết thúc việc thu phiếu bầu cử.
- Các phiếu không hợp lệ, phiếu trắng sẽ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 7: Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Các cổ đông bỏ phiếu chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu quy định và giám sát. Việc bỏ phiếu kết thúc sau khi cổ đông cuối cùng đã bỏ phiếu vào hòm phiếu và Ban kiểm phiếu công bố kết thúc việc bỏ phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS phải đạt trên 50% số phiếu dự đại hội trở lên và được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại (hoặc biểu quyết) trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên HĐQT và BKS theo yêu cầu thì ĐHĐCĐ có thể biểu quyết đề khuyết thành viên HĐQT hoặc BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

Điều 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ phần tham dự họp, tương ứng với tỷ lệ % vốn Điều lệ. Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tương ứng với số cổ phần/số phiếu biểu quyết tham gia bỏ phiếu (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; số và tỉ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 10: Khiếu nại

- Nếu xét thấy có những hành vi gian dối hoặc vi phạm Điều lệ công ty có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi cổ đông/đại diện cổ đông đều có quyền chất vấn. Chủ tịch đoàn, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.
- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.
Quy chế này gồm có 10 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT Công ty ;
- BKS Công ty;
- Lưu Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)
Ts. Vũ Dương Hiền

PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

- Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 07 thành viên HĐQT (là số lượng thành viên HĐQT) trong tổng số 07 ứng viên để tham gia bầu tại Đại hội. Số thành viên tham gia bầu như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Phạm Văn A	
2	Nguyễn Thị B	
3	Trần Thị C	
4	Tô Văn D	
5	Lê Thị E	
6	Nguyễn Văn F	
7	Đào Văn G	

- Cổ đông Nguyễn Văn X nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 100.000 cổ phần có phiếu biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn X là:

100.000 CP x 7 (là số lượng thành viên HĐQT) = 700.000 phiếu biểu quyết.

Cổ đông Nguyễn Văn X có thể bầu đôn phiếu theo phương thức sau:

1. Dồn hết 700.000 phiếu biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên Phạm Văn A làm thành viên HĐQT. **Ví dụ:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Phạm Văn A	700.000
2	Nguyễn Thị B	X
3	Trần Thị C	X
4	Tô Văn D	X
5	Lê Thị E	X
6	Nguyễn Văn F	X
7	Đào Văn G	X

2. Hoặc chia đều 700.000 phiếu biểu quyết cho 07 ứng cử viên thành viên HĐQT (*tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 100.000 phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn X*). **Ví dụ:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Phạm Văn A	100.000
2	Nguyễn Thị B	100.000
3	Trần Thị C	100.000
4	Tô Văn D	100.000
5	Lê Thị E	100.000
6	Nguyễn Văn F	100.000
7	Đào Văn G	100.000

3. Hoặc bầu 700.000 phiếu biểu quyết của mình cho một số ứng cử viên thành viên HĐQT bằng cách chia nhỏ 700.000 phiếu biểu quyết cho một số ứng cử viên. Tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng viên đó không vượt quá 700.000 phiếu biểu quyết.

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Phạm Văn A	150.000
2	Nguyễn Thị B	50.000
3	Trần Thị C	200.000
4	Tô Văn D	100.000
5	Lê Thị E	100.000
6	Nguyễn Văn F	50.000
7	Đào Văn G	50.000

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn X sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu của Công ty.
- Tổng quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn X vượt quá con số 700.000 quyền biểu quyết.

Việc bầu thành viên BKS cũng được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2021

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 “V/v: Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn, như sau:

Các Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các Báo cáo tài chính nêu trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

TS. VŨ DƯƠNG HIỀN

TỜ TRÌNH

*(V/v ủy quyền cho HĐQT lựa chọn
Công ty kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2021)*

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco;

Đề thuận lợi cho việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn. Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 để soát xét báo cáo tài chính bán niên 2021 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS}đ/b
- Quý Cổ đông}t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án: ***lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến ngày 31/12/2020 là 64.187.695.211 đồng được chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt là 6%/Vốn điều lệ, số còn lại được giữ lại để tái đầu tư cho các Công ty thành viên đến năm 2021.***

Lợi nhuận để lại chưa phân phối dùng để tái đầu tư, đồng thời nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn lưu động cho các Công ty thành viên của Tập đoàn, hạn chế các rủi ro thanh khoản cho doanh nghiệp trong năm 2021, gia tăng lợi ích cho cổ đông. ***Phần đầu năm 2021 được chia cổ tức mức từ 8-10%.***

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, phê chuẩn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS}đ/b
- Quý Cổ đông}t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

TỜ TRÌNH

(V/v thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2021;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

I. Báo cáo **phụ cấp cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2020**

Trong năm 2020, Tập đoàn HAPACO đã thực hiện việc chi thù lao thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

II. Thông qua mức **phụ cấp cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2021**

1. Căn cứ để xác định mức **phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:**

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn.
- Định hướng hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021.
- Tham khảo mức **phụ cấp** áp dụng của đại đa số các doanh nghiệp quy mô tương tự hiện nay trên thị trường.

2. Đề xuất về mức **phụ cấp bình quân đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:**

- Hội đồng quản trị: 49.000.000 đồng/tháng, theo thời gian hoạt động của từng thành viên.
- Ban kiểm soát: 15.000.000 đồng/tháng, theo thời gian hoạt động của từng thành viên.
- Nếu phần đầu vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận thì Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thưởng **10%** trên lợi nhuận vượt mức kế hoạch năm 2021.
- Mức **phụ cấp** chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát là trước thuế. Các thành viên HĐQT, BKS chịu trách nhiệm khai báo và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng xem xét, phê chuẩn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS}/đ/b
- Quý Cổ đông}/t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc đầu tư và quyết định các dự án đầu tư của Tập đoàn.

Để giảm bớt các thủ tục hành chính và chi phí hành chính, bảo đảm thuận lợi cho việc triển khai các chương trình đầu tư và dự án đầu tư của Tập đoàn.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc Tập đoàn đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn.

Thời hạn ủy quyền: Từ ngày 08/05/2021 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Sửa đổi bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Thông tư 116/2020-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;
- Căn cứ vào tình hình thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2020, các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều Luật, nghị định, thông tư liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp cũng như thị trường chứng khoán. Để phù hợp với các quy định mới của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán và các yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng quản trị đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy nội dung bản Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, ban hành theo đúng các quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;
- Thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

TS. Vũ Dương Hiền

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, loại bỏ, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 055591 Do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.Hải Phòng cấp ngày 17/06/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/11/2009.
- Căn cứ Điểm đ, Khoản 1, Điều 139, Nghị định 155/2020/NĐ-CP “Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài”. Nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu cổ phần HAP theo đúng quy định, Công ty cần thực hiện điều chỉnh, loại bỏ, sửa đổi các ngành, nghề kinh doanh bị hạn chế sở hữu nước ngoài (“SHNN”) mà Công ty hiện đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc quy định SHNN tối đa tại Công ty lên mức 50% vốn điều lệ của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (Sau đây gọi tắt là “ĐHĐCĐ”) Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (Sau đây gọi tắt là “HAP”) xem xét và thông qua việc điều chỉnh, loại bỏ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

1. Loại bỏ những ngành, nghề kinh doanh quy định tỷ lệ SHNN là 0%.
2. Thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định đối với các ngành, nghề kinh doanh trong đó có một số lĩnh vực quy định tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài hoặc chưa xác định được tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.

3. Ủy quyền cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT Công ty – Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến thay đổi nội dung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty lên mức 50% vốn điều lệ Công ty với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TS.Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NHIỆM KỲ 2021 - 2026
CỦA TẬP ĐOÀN HAPACO
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, thông qua 06 dự án đầu tư của Tập đoàn HAPACO trong nhiệm kỳ 2021 – 2026.

DỰ ÁN 1: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÀ PHÊ SƠN LA - TẬP ĐOÀN HAPACO

1. Mục tiêu dự án:

- Sơ chế quả cà phê tươi áp dụng công nghệ sinh học. Sản phẩm là cà phê thóc đặc sản.
- Thu gom chất thải sau sơ chế, sản xuất phân. Sản phẩm là phân hữu cơ vi sinh
- Thu gom cà phê thóc, chế biến cà phê nhân. Sản phẩm là cà phê nhân xuất khẩu.
- Chế biến sâu, đa dạng sản phẩm. Sản phẩm là cà phê tiêu dùng.

2. Cách thức thực hiện:

2.1 Xây dựng phân xưởng Sơ chế:

- Xây dựng CSVC đáp ứng quy trình sản xuất 10.000 tấn quả tươi/vụ và 3.000 tấn phân hữu cơ/năm.
- Lắp đặt thiết bị đồng bộ cho quy trình sản xuất với công nghệ mới 100% đảm bảo chất lượng đầu ra theo tiêu chuẩn quốc tế để xuất khẩu cà phê nhân công suất 5.000 tấn/ năm.

2.2 Xây dựng phân xưởng Chế biến sâu:

- Chế biến 300 tấn/ năm cà phê thành phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Lắp đặt thiết bị đồng bộ cho quy trình sản xuất với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

3. Địa điểm dự án:

- Địa điểm 1: Phân xưởng chế biến cà phê nhân: Tại xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
- Địa điểm 2: Phân xưởng chế biến sâu: Tại TK 32 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

4. Tổng vốn đầu tư: 125 tỷ đồng

5. Nguồn vốn: Vốn tự có 30%; Vốn vay các tổ chức tín dụng: 70%.

6. **Khả năng cơ cấu vốn:** Theo tiến độ công trình
7. **Hiệu quả của dự án:** Dự án lựa chọn phương án: Phân tích 3 năm đầu hoạt động lafthu hồi xong vốn đầu tư (Có bản thuyết minh hiệu quả dự án đính kèm)

DỰ ÁN 2: BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VIỆT - HÀN

Trong những năm gần đây, do tình hình phát triển kinh tế xã hội dẫn đến nhu cầu về chăm sóc y tế ngày càng tăng về cả lượng và chất, cụ thể như tình hình đô thị hóa trên cả nước diễn ra mạnh mẽ nên số người dân có thu nhập khá gia tăng. Tầng lớp trung lưu đang gia tăng đáng kể, tầng chi tiêu bình quân đầu người, chi phí phát sinh cho y tế tiếp tục tăng, phát triển xu hướng chăm sóc y tế về chất lượng. Bảo hiểm y tế được phổ biến đến trên 80% dân số. Tình trạng các bệnh viện công đang quá tải.

Để đáp ứng nhu cầu của người dân về khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cả số lượng và chất lượng. Góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của thành phố Hải Phòng, các tỉnh khu vực miền Duyên Hải Bắc Bộ và đặc biệt là phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045, Nghị quyết Đại hội 16 Đảng bộ thành phố về phát triển Huyện Thủy Nguyên là cấp thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng trước năm 2025.

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO quyết định đầu tư thực hiện dự án “Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Việt - Hàn”, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu dự án:

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa của thành phố Hải Phòng, khu vực Đông Bắc bộ và người nước ngoài.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác Quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập với nền y học khu vực và Thế giới. Thu hút được lực lượng chuyên gia và thầy thuốc giỏi, có kinh nghiệm trong nước và quốc tế tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe.
- Xây dựng bệnh viện đa khoa để đáp ứng nhu cầu gia tăng trên địa bàn, phù hợp chủ trương xã hội hóa y tế của Chính phủ và Thành phố.
- Góp phần giảm tải cho hệ thống y tế công lập, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nhằm cải thiện chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc nâng cao sức khỏe cho nhân dân và bạn bè quốc tế.
- Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng và tăng thu hút ngoại tệ cho thành phố.

2. Quy mô dự án:

- Đầu tư xây dựng mới một Bệnh viện đa khoa vùng Duyên Hải Bắc Bộ gồm 5 tỉnh, thành phố là Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, đạt tiêu chuẩn Quốc tế với quy mô 600 giường.

3. Tiến độ đầu tư thực hiện dự án:

- Giai đoạn I: + Thực hiện các thủ tục về quy hoạch, đất đai, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, khởi công xây dựng công trình, hoàn thành các công trình xây dựng, mua sắm và lắp đặt máy, thiết bị;
+ Đưa dự án vào vận hành 200 giường.
- Giai đoạn II: Tiếp tục đầu tư hoàn thành các hạng mục còn lại của dự án; Đưa dự án vào vận hành 400 giường còn lại.

4. Địa điểm Dự án:

- Tại Khu xứ đồng Đàm Hàn, thôn Tây, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Diện tích sử dụng đất: 50.000 m².

5. Thời gian: 50-70 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. Nhu cầu vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư của Dự án: 1.800 tỷ đồng
- Tỷ lệ vốn tự có/vốn vay là 30/70 do đối tác Hàn Quốc và các Ngân hàng thương mại.

DỰ ÁN 3: NHÀ MÁY ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (ĐIỆN GIÓ) TẠI TỈNH GIA LAI

1. Mục tiêu của dự án:

Tỉnh Gia Lai có tiềm năng gió khá tốt, với vận tốc gió nhiều nơi đạt 6-8 m/s tại độ cao 100m, đồng thời có lợi thế về giao thông thuận tiện, khối lượng đầu nối lưới điện ít, cách xa khu dân cư; công tác đền bù, giải phóng mặt bằng có nhiều thuận lợi, có tiềm năng rất lớn để phát triển điện gió. Theo đó, thời gian qua, tỉnh đã rất tích cực trong công tác xúc tiến, thu hút, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực này.

Sau khi nghiên cứu các cơ hội, tiềm năng gió tại huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai, Tập đoàn HAPACO đã quyết định chinh phục ngọn “gió” nơi đây. HAPACO đã cùng với đội ngũ các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế nghiên cứu, tìm ra giải pháp tối ưu nhất nhằm biến nguồn tài nguyên gió của Gia Lai thành nguồn năng lượng điện sạch.

Bên cạnh đầu tư khai thác lợi thế từ gió để biến thành điện năng, dự án điện gió còn làm thay đổi diện mạo của vùng đất Tây Nguyên – nơi dự án triển khai. Ngoài việc được hưởng lợi vì sử dụng điện năng từ dự án, người dân xung quanh sẽ được hưởng rất nhiều lợi ích thiết thực. Việc đầu tư xây dựng dự án điện Gió công suất 100 MW của Tập đoàn HAPACO góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng đời sống của người dân nơi đây, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động

của tỉnh Gia Lai.

II. Các thông tin chung về dự án:

- Địa điểm: Các xã tại Huyện Đăk Đoa - Tỉnh Gia Lai
- Diện tích: Khu vực xây dựng cột gió: 35 ha
- Tổng công suất nhà máy: 100Mw
- Tổng số cột: 23 cột, công suất 4.35Mw/cột
- Diện tích đất: Xây dựng 23 cột x 0.15ha/cột = 3.45ha
- Diện tích này nằm trong khu vực 35ha do tỉnh cấp cho dự án – 3.45ha là đất của Dự án. Diện tích còn lại 31.55ha vẫn thuộc quyền của bà con nông dân trồng cây hoa màu.

III. Hiệu quả của Dự án 100Mw điện năng lượng tái tạo (Điện gió):

- Chi phí cho 1 Mw là 40 tỷ đồng trong đó bao gồm: Mua thiết bị, xây dựng, lắp đặt thiết bị và trả tiền thuê đất.
- Tổng chi phí: 100Mw x 40 tỷ đồng/Mw = 4.000 tỷ đồng, trong đó:
 - + Vốn tự có 27.5% = 1.100 tỷ đồng
 - + Vốn vay NH 72.5% = 2.900 tỷ đồng
- Tổng công suất (đạt doanh thu) hàng năm:
 - + 100Mw = 100.000 Kwh x 4.200h/năm x 2.030đồng/Kwh = 852,6 tỷ/năm
 - + Giá điện Nhà nước mua 8.77cent (tỷ giá: 23.150đồng/USD) = 2.030 đồng (Bảo đảm giá ổn định 20 năm).
 - + Thời gian phát điện tối thiểu 4200h/năm (trung bình: 11.5h/ngày)

BẢNG TỔNG HỢP HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Nội dung	8 năm đầu (trả gốc và lãi vay)	Từ năm 9-13 (thuế TNDN: 5%)	Từ năm 14-20 (thuế TNDN: 10%)	Tổng cộng
Doanh thu: 100.000Kwh x 4.200h x 2.030đồng/Kw	6.820.800.000.000	4.263.000.000.000	5.968.200.000.000	17.052.000.000.000
Chi phí vận hành: 100Mw x 37.500USD/năm/Mw = 3.750.000 USD/năm (tỷ giá: 23.150đồng/USD)	694.500.000.000	434.062.500.000	607.687.500.000	1.736.250.000.000
Chi phí lãi vay	1.109.250.000.000			1.109.250.000.000
Lợi nhuận trước thuế:	5.017.050.000.000	3.828.937.500.000	5.360.512.500.000	14.206.500.000.000

Thuế TNDN:	137.751.250.000	191.446.875.000	536.051.250.000	865.249.375.000
Lợi nhuận sau thuế:	4.879.298.750.000	3.637.490.625.000	4.824.461.250.000	13.341.250.625.000
Trả gốc vay	2.900.000.000.000			2.900.000.000.000
Bù đắp vốn tự có:	1.100.000.000.000			1.100.000.000.000
Lãi sau khi thu hồi vốn:	879.298.750.000	3.637.490.625.000	4.824.461.250.000	9.341.250.625.000

* Thời gian hoàn vốn: 7 năm

* Lợi nhuận trung bình: 467 tỷ/năm

DỰ ÁN 4: TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI QUỐC TẾ **SÔNG GIÁ MINH TÂN**

1. Mục tiêu dự án:

Xã hội ngày càng phát triển cùng với những nhu cầu về du lịch, dịch vụ con người cũng quan tâm hơn tới việc chăm sóc sức khỏe. Đặc biệt nhu cầu về nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe cho người già ngày càng tăng. Kinh tế phát triển cuộc sống hiện đại, con cái dù muốn hay không đều không có đủ thời gian để chăm sóc ông bà cha mẹ một cách chu đáo được. Xu thế đưa người cao tuổi đến các khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe là xu thế tất yếu trong tương lai.

Mục tiêu của dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi quốc tế Sông Giá Minh Tân:

- Xây dựng Trung tâm chăm sóc, nghỉ dưỡng hiện đại, có chế độ chăm sóc y tế tốt, có phòng sinh hoạt chung, văn nghệ cho người già để làm giàu đời sống tinh thần cho người cao tuổi.
- Trung tâm có các dịch vụ đầy đủ và trọn gói chăm sóc người cao tuổi tốt nhất: Chăm sóc người già phục hồi chức năng; chăm sóc người già sa sút trí tuệ; chăm sóc người già sau tai biến-điều trị; chăm sóc người già theo nhu cầu... Điều đó giúp cho con cái có thể yên tâm gửi cha mẹ ông bà mình đến đó.
- Tôn chỉ của Trung tâm: Tôn trọng, yêu kính người cao tuổi; hòa nhã, vui vẻ và dịu dàng với người cao tuổi; ích lợi của người cao tuổi luôn được đặt lên hàng đầu; êm ái, nhẹ nhàng tháo gỡ những vướng mắc trong sinh hoạt của người cao tuổi; nhẫn nại, dịu dàng xoa dịu những cơn đau do bệnh tật gây ra cho người cao tuổi; đạo đức, làm đúng với lương tâm của mình; uy tín, chất lượng, giá cả hợp lý; chu đáo, tận tình mang lại cảm giác tin cậy cho người cao tuổi. Người cao tuổi luôn được “Sống vui – Sống khỏe – Sống có ích”.

2. Quy mô dự án:

- Đầu tư xây dựng mới một Trung tâm chăm sóc người cao tuổi, đạt tiêu chuẩn Quốc tế với quy mô từ 800 giường.

3. Tiến độ đầu tư thực hiện dự án:

- Giai đoạn I: Từ năm 2020 đến năm 2025: Trong đó từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2025 thực hiện các thủ tục về qui hoạch, đất đai, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, khởi công xây dựng công trình, hoàn thành các công trình xây dựng, mua sắm và lắp đặt máy, thiết bị;

Tháng 12/2025 đưa dự án vào vận hành 300 giường.

4. **Địa điểm Dự án:**

- Tại Khu xứ đồng Bến Trang - Đồng Hàn, thôn 6, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Diện tích sử dụng đất: 168.000 m².

5. **Thời gian:** 50-70 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. **Nhu cầu vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư:**

- Tổng vốn đầu tư của Dự án: 565.990.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng*).

- Hiệu quả của dự án: Lợi nhuận hàng năm khi đưa dự án vào vận hành:

- Quy mô nguồn vốn: Vốn của tập đoàn và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

**DỰ ÁN 5: KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TẠI 441A ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG –
HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

1. **Mục tiêu dự án:**

- Thực hiện Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ủy ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Hồng Bàng và phần mở rộng .
- Tập đoàn xin chuyển mục đích sử dụng đất để lập Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại của Công ty CP Tập đoàn HAPACO tại số 441A - đường Tôn Đức Thắng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trên diện tích đất 17.500m² theo qui định.

2. **Quy mô dự án:**

Quy mô gồm 120 căn nhà liên kế và hệ thống hạ tầng đồng bộ kết nối .

3. **Tiến độ đầu tư thực hiện dự án:**

Năm 2021-2022

4. **Địa điểm Dự án:**

- Tại Công ty CP Giấy Hải Phòng - Tập đoàn HAPACO tại số 441A - đường Tôn Đức Thắng, huyện An; Diện tích sử dụng đất: 17.500 m².

5. **Thời gian:** Đất ở sử dụng lâu dài.

6. Nhu cầu vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư dự án: **332** tỷ đồng;
- + Chi phí XD nhà thô, hạ tầng: 180 tỷ đồng;
- + Chi phí nộp tiền sử dụng đất chuyển mục đích: 110 tỷ đồng;
- + Chi phí bồi thường GPMB: 42 tỷ đồng
- Kinh phí dự kiến thu: **447,7** tỷ đồng
- + Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất: $9500\text{m}^2 \times 30 \text{ tr/m}^2 = 285$ tỷ đồng;
- + Lợi nhuận đầu tư XD: $46.500\text{m}^2 \times 3,5\text{tr/m}^2 = 162,7$ tỷ đồng;

7. Hiệu quả đầu tư:

- Với vị trí nằm gần các KCN VSIP, NOMURA, Trảng Duệ....., dự án nhà ở thương mại của Tập đoàn HAPACO góp phần giải quyết nhu cầu nhà ở cho người dân sống và làm việc tại Hải Phòng.
- Lợi nhuận: $447,7 - 332 = 116,7$ tỷ đồng

DỰ ÁN 6: ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN II, NHÀ MÁY GIẤY KRAFT - NÂNG CÔNG SUẤT LÊN 50.000 TẤN/NĂM

Căn cứ giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 5283/UB-KHĐT ngày 19/11/2003 của UBND thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ Phần Giấy Hải Phòng (Nay là Tập đoàn HAPACO) thực hiện Nhà máy Giấy Kraft công suất 50.000 tấn/năm.

1. Mục tiêu đầu tư mở rộng

- Nâng công suất từ 24.000 tấn/năm lên thành 50.000 tấn/năm.

2. Tổng mức đầu tư: 250 tỷ đồng

3. Thị trường: Xuất khẩu 52% công suất, tiêu thụ trong nước: 48%

4. Hiệu quả của dự án: 150 tỷ đồng/năm

Trên đây là tóm tắt 6 dự án được xây dựng trong nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Tập đoàn HAPACO.

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

TỜ TRÌNH

Thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco;
- Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu vốn đầu tư thực hiện các dự án;

Hội đồng Quản trị (Sau đây gọi tắt là “HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (Sau đây gọi tắt là “ĐHĐCĐ”) Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (Sau đây gọi tắt là “HAP”) xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số vốn tăng thêm với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco
2. Mã chứng khoán: HAP
3. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện hành: 556.266.210.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu tương ứng vốn điều lệ: 55.626.621 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ: 155.470 cổ phiếu
8. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 55.471.151 cổ phiếu
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 69.338.938 cổ phiếu.
10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 693.389.380.000 đồng.
11. Vốn điều lệ sau khi phát hành (dự kiến): 1.249.655.590.000 đồng.

12. Đối tượng của đợt phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

13. Phương thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo tỷ lệ để tăng vốn điều lệ.

14. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.

15. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (Book Value/BV):

$BV = \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} / \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}$

$BV \text{ tại thời điểm } 31/12/2020 = 661.335.519.241 / 55.471.151 = 11.922 \text{ đồng/cp.}$

(Tính theo BCTC kiểm toán công ty mẹ năm 2020 của HAP).

Giá tham chiếu bình quân của cổ phiếu HAP trong 30 phiên gần nhất từ ngày 19/03/2021 đến 04/05/2021 là: 15.200 đồng/cổ phần.

Căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty, nhu cầu vốn của HAP trong đợt chào bán, diễn biến giao dịch cổ phiếu HAP, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền, HĐQT của Công ty đề xuất mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bằng với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (chiết khấu khoảng 16,12% so với BV Công ty mẹ tại 31/12/2020).

16. Tổng giá trị chào bán 693.389.380.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba tỷ ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

17. Tỷ lệ thực hiện quyền: 4:5 (*nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu HAP tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền sẽ được hưởng tương ứng 01 quyền mua, và cứ 04 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu phát hành thêm*).

18. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị và theo nguyên tắc làm tròn xuống.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 138 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông, tương ứng cổ đông Nguyễn Văn A có 138 quyền mua cổ phiếu. Với tỷ lệ phân bổ quyền 4/5, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được quyền mua $138 \times 5/4 = 172,50$ cổ phiếu. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A sẽ được quyền mua 172 cổ phiếu.

19. Hình thức thực hiện quyền:

- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản. Số tiền mua cổ phiếu sẽ được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tổng hợp và chuyển về Công ty theo quy định;

- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông đăng ký tại trụ sở Công ty trong thời hạn phân phối và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.

20. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phiếu của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên, quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng lại.

21. Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hạn chế chuyển nhượng: Cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần, số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

22. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

23. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền:

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do gộp các phần lẻ cổ phần khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối theo tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (*đồng thời đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu*).

Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn của công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp.

- Số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Số cổ phiếu lẻ được xử lý phân phối lại không áp dụng điều kiện về hạn chế chuyển nhượng (tự do chuyển nhượng) căn cứ theo Khoản 4, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

24. Thời gian thực hiện: dự kiến Quý II - Quý III năm 2021 sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ĐHĐCĐ giao HĐQT lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.

25. Mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành:

Hiện nay, cổ phiếu HAP đã thực hiện niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là “HSX”). Sau khi hoàn tất đợt chào bán, có thể xuất hiện mức độ pha loãng, bao gồm: pha loãng về giá cổ phiếu; pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV).

- ***Pha loãng về giá cổ phiếu:***

Thông thường cổ phiếu công ty cổ phần đã giao dịch tập trung hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật về giá, giá pha loãng khi có cổ phiếu mới phát hành theo công thức sau:

Trong đó:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

P_{t-1}: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước

khi bị pha loãng);

I: là tỷ lệ vốn tăng;

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Do đó, cổ phiếu HAP của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco sẽ bị ảnh hưởng bởi điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ.

- Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần:

Công thức tính EPS pha loãng dự kiến như sau:

$$EPS \text{ pha loãng} = E/Qbq$$

Trong đó:

EPS pha loãng: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu mỗi cổ phiếu phổ thông

Qbq: Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân sau khi phát hành.

EPS năm 2020 theo BCTC kiểm toán hợp nhất của HAP là 727 đồng/cổ phiếu. Sau đợt phát hành thêm này, chỉ số EPS của Công ty có thể giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành được tiếp tục tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành có thể chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV \text{ pha loãng} = NVCSH/Qbq$$

Trong đó:

BV pha loãng: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ thuộc về cổ đông.

Qbq: Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân sau khi phát hành

Sau đợt phát hành, Giá trị sổ sách pha loãng trên mỗi cổ phiếu của Công ty có thể biến động phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty.

26. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 693.389.380.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba tỷ ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền thu được từ đợt chào bán này Công ty có kế hoạch sẽ sử dụng như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green từ nguồn vốn được huy động thêm: - Số lượng cổ phần cần mua tại Công ty mục tiêu: tối đa 30.300.000 cổ phần để sở hữu 91,25% tại Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green Giá mua: tối đa 20.000 đồng/cp	606.000.000.000

Stt	Nội dung	Số tiền dự kiến (đồng)
2	Đầu tư mua 7.400.000 cổ phần phát hành thêm bởi Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tại đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược năm 2021 theo phương án được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green thông qua tại Nghị quyết số 55/2021/BVG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021. Giá phát hành: 10.000 đồng / cổ phần	74.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm 2021	13.389.380.000
	Tổng cộng	693.389.380.000

Thông tin sơ lược về Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (“BVGreen”)

BVGreen đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201450471 do Sở KH&ĐT Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/04/2014, thay đổi lần thứ 01 ngày 16/11/2016, trụ sở chính tại Số 738 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, BVGreen có quy mô vốn điều lệ 526 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực: y tế, khám chữa bệnh. Doanh thu năm 2020 của BVGreen đạt hơn 147 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 26 tỷ đồng, quy mô tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 là 577,88 tỷ đồng và quy mô vốn chủ sở hữu tương ứng là 319,24 tỷ đồng. Kế hoạch kinh doanh của BVGreen trong năm 2021 đạt doanh thu 216, tỷ đồng (18 tỷ đồng/tháng) lợi nhuận sau thuế đạt trên 38,4 tỷ đồng.

Đầu năm 2021, các cổ đông của BVGreen đã thực hiện việc góp vốn đủ theo đăng ký là 526 tỷ đồng. Bên cạnh đó BVGreen dự kiến tăng vốn điều lệ năm 2021 lên 600 tỷ đồng nhằm mục tiêu triển khai đầu tư, hợp tác xây dựng thêm một Bệnh viện đa khoa Quốc tế Green 2 tại Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/05/2021, BVGreen đang có 6 cổ đông với cơ cấu sở hữu như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	17.700.000	33,65%
2	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	1.790.000	3,40%
3	Ông Vũ Dương Hiền	24.810.000	47,17%
4	Ông Vũ Xuân Cường	3.400.000	6,46%
5	Ông Vũ Xuân Thịnh	2.000.000	3,80%
6	Ông Vũ Xuân Thủy	2.900.000	5,51%
	Tổng	52.600.000	100%

Trong đó:

- Cổ đông Vũ Dương Hiền – Thành viên HĐQT BVGreen hiện đang là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco.
- Cổ đông Vũ Xuân Cường là ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco.
- Cổ đông Vũ Xuân Thịnh là ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco.
- Cổ đông Vũ Xuân Thủy là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco.

HAP hiện đang trực tiếp sở hữu 17.700.000 cổ phần CTCP Bệnh viện Quốc tế Green và gián tiếp sở hữu 1.790.000 cổ phần thông qua CTCP Giấy Hải phòng, là công ty con do HAP sở hữu 100% vốn điều lệ. Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của HAP tại BVGreen tại ngày 24/05/2021 là 37,05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trên cơ sở giá trị các tài sản của BVGreen và tham khảo chứng thư thẩm định giá số 15/2021/CT-TĐG/ADAC do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon phát hành, HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt việc mua cổ phần BVGreen với tỷ lệ mua tối đa 57,6% vốn điều lệ, giá mua dự kiến tối đa là 20.000 đồng/cổ phần và thực hiện các giao dịch mua cổ phiếu với các cổ đông BVGreen là người có liên quan của HAP. HAP dự kiến sẽ thực hiện thương thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng với các cổ đông BVGreen có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

HAP dự kiến thực hiện các giao dịch mua cổ phần các cổ đông của BVGreen để thực hiện phương án sử dụng vốn nêu trên, dự kiến như sau:

TT	Tên cổ đông BVGreen	CMND/CCCD	Chuyển nhượng cho HAP	
			%	Số cổ phần
1	Vũ Dương Hiền	030664890	41,83%	22.000.000
2	Vũ Xuân Cường	031071005037	6,46%	3.400.000
3	Vũ Xuân Thịnh	031168013	3,80%	2.000.000
4	Vũ Xuân Thủy	031066001199	5,51%	2.900.000
Tổng cộng			57,60%	30.300.000

Sau các giao dịch này, dự kiến HAP sẽ trực tiếp sở hữu 48.000.000 cổ phần CTCP Bệnh viện Quốc tế Green, tương đương tỷ lệ sở hữu đạt 91,25%.

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/BVG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng. Theo đó, Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green

dự kiến phát hành 7.400.000 cho cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco. Giá phát hành của đợt phát hành này được ĐHĐCĐ BVGreen thông qua là 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng với việc HAP dự kiến sẽ chi 74.000.000.000 đồng để mua số cổ phiếu mới này. Số cổ phần mà HAP dự kiến sở hữu tại BVGreen sau khi hoàn thành thương vụ là 55.400.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu 92,33%.

27. Bảo lãnh phát hành

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua việc lựa chọn và ký kết hợp đồng với một hoặc nhiều đơn vị Bảo lãnh phát hành đủ điều kiện Bảo lãnh phát hành Chứng khoán cho HAP để thực hiện thành công đợt chào bán.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc sau đây:

1. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại phương án phát hành và phương án sử dụng vốn sau phát hành nêu trên;
2. Bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) đảm bảo việc phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định của Pháp luật, đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho Công ty;
3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
4. Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu lẻ và phân phối cổ phiếu cho các tổ chức/cá nhân khác trong trường hợp không bán hết theo phương án phát hành (bao gồm cả trường hợp phân phối tại Khoản 3, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
5. Phê chuẩn các (dự thảo) hợp đồng, tài liệu, giao dịch khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, lựa chọn tổ chức Bảo lãnh phát hành cổ phiếu (nếu cần), việc thực hiện phương án sử dụng vốn nêu tại Mục 24 của Tờ trình này, bao gồm các giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và Bên có liên quan theo Điều 167 - Luật Doanh nghiệp 2020 (nếu có).
6. Toàn quyền quyết định việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành, lựa chọn phương án triển khai, thời điểm giải ngân phù hợp với kế hoạch của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty;
7. Quyết định và tổ chức việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan có thẩm quyền để ghi nhận số vốn điều lệ theo số lượng cổ phiếu thực tế phát hành thành công;
8. Quyết định về hồ sơ, tài liệu và (tổ chức) thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HSX;

9. Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành và phương án sử dụng vốn sau khi phát hành mà đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKTH.

Vũ Dương Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 08 tháng 5 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

i) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;

j) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

k) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

l) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

m) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPACO GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: HAPACO GROUP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 Tòa nhà Green, số 7 Lô 28A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Điện thoại: 0084.31.3556002

- Fax: 0084.31.3556008

- E-mail: hapaco@hapaco.vn

- Website: www.hapaco.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của **Công Ty**, đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

2. Theo điều lệ này, Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật

Ông: **VŨ DƯƠNG HIỀN**

Giới tính: Nam

Sinh ngày 14 tháng 09 năm 1942;

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: : 030664890 Ngày cấp: 12/10/2007 Nơi cấp: Công an Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 1/274A đường Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 8 lô 18 đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chức danh quản lý: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
 - b. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo mục a khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:
 - + Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị, quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.
 - d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
 - f. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - g. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu.
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ.
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu.
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ.
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê.
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái.
- Đào tạo nguồn nhân lực.
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- In ấn: In giấy vàng mã xuất khẩu
- Hoạt động của các bệnh viện.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Hoạt động trong khuôn khổ chính sách và pháp luật của nhà nước Việt Nam; luôn công khai, minh bạch, làm ăn đàng hoàng, cạnh tranh sòng phẳng tìm kiếm lợi nhuận trong mối tương quan với lợi ích của người tiêu dùng, lợi ích của xã hội để xây dựng nên một thương hiệu mạnh, là niềm tự hào của Doanh nghiệp và quốc gia.
- b. Trở thành một tập đoàn kinh tế đa chức năng lớn mạnh với công nghệ sản xuất và kinh doanh hiện đại, phát triển nhanh và bền vững, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đồng thời đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề kinh doanh nhằm thu lợi

nhuận tối đa, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- c. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, đời sống vật chất cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên (CBCNV), tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông cùng với sự phát triển bền vững của Công ty. Công ty luôn đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tốt nhất tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.
- d. Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và ngành nghề kinh doanh đã được cấp phép.
- e. Hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh của xã hội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 556.266.210.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm năm mươi sáu tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm mười nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 55.626.621 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo

quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu

mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã

đăng ký mua đổi với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông,

vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp này thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

Xác định thời gian và địa điểm họp;

Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

Công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại

khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch như sau:

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
 - Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm

thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có

quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có

số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại **các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp**:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các

khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp cụ thể như sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người

giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán

thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công

bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại

hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng

quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện

được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công

ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công

ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

- 1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị,

Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với

các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi

phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và

người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế

toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công

ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều

hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO nhất trí thông qua ngày 08 tháng 5 năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ

đồng, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ít nhất 07 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của

Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy

định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường

hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản

trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định

cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO bao gồm VII chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu

trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại

khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều

hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được

chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc

với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người liên quan.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã xin ý kiến biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán.
- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đó được kiểm toán gần nhất;
- m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
- n. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát";

o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại khoản 4 điều 31 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng .

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ .

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3 Điều 13 (điều lệ công ty) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Điều 13 điều lệ công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp..

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện chậm nhất trong vòng 20 ngày trước ngày chốt danh sách

5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp (tuy nhiên đối với công ty đã có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu mời họp theo thông báo mời họp theo quy định có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty). Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên website của công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu. Đối với

các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ do đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đó thông báo cho công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

6. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông, dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của điều lệ công ty trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

7. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 15 điều lệ công ty, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đó chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền .
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- d. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đó tiến hành

trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

9. Điều kiện tiến hành;

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty và chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty ;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty

Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều lệ công ty.

11. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty;
- b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; và công bố nghị quyết đại hội cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký

biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 điều 16. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại điều 143 luật doanh nghiệp;

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty .
- Mục đích lấy ý kiến .
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường

trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đó được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật

của công ty;

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đó được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và quyết định việc phát hành trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm,

ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sát nhập, thuê, góp vốn và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty .

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường

của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 50 tỷ đồng Việt Nam hoặc khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO ít nhất là bảy (07) người (số lượng thành viên HĐQT được tăng lên do Đại hội đồng cổ đông quyết định). Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên không điều hành. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 1 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên..

b. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị; Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử vào hội đồng quản trị công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử .

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc do chủ tọa quyết định.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng

quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

g. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý

khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

Điều 7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (và số tiền thù lao cho từng thành viên) phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị : bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý.
- Hai thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Đa số thành viên Ban kiểm soát.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.

4. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp không đủ số lượng thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

7. Cách thức biểu quyết;

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a khoản 4 điều 32 và khoản b, điểm 4 điều 32 của Điều lệ công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đó được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông báo theo các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Điều 9. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ công tác gồm: tiểu ban nghiên cứu chiến lược đầu tư, tiểu ban lương, thưởng, nhân sự, tiểu ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác.

2. Cơ cấu và Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban

Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Tiêu chuẩn thành viên các tiểu ban, trường các tiểu ban do HĐQT quy định.

3. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.

Các tiểu ban và các thành viên có trách nhiệm thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị giao .

Điều 10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

- a. Có hiểu biết về pháp luật.
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo các quy định về công bố thông tin hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nhiệm kỳ, số lượng thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây;

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP Tập đoàn HAPACO là ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 13. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát;

1. Không thuộc đối tượng theo quy định của khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
8. Ngoài ra, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 14: Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cân trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V. BAN GIÁM ĐỐC

Điều 19. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn của thành viên BGD

1. Thành viên BGD bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Các thành viên BGD do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo quy định trong Điều lệ công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm thành viên BGD được quy định trong Điều lệ Công ty.

Điều 20. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1. Chịu trách nhiệm cao nhất trong việc tổ chức, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty. Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, các quy định của pháp luật. Cụ thể:
 - a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt. Trong trường hợp không đồng ý với nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc vẫn có trách nhiệm thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trong phiên họp gần nhất.
 - b. Khi thấy nghị quyết, quyết định của HĐQT trái pháp luật, trái Điều lệ của công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo để HĐQT thay đổi quyết định. Trong trường hợp HĐQT không thay đổi quyết định Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định trái pháp luật đó của HĐQT. Khi thực hiện từ chối nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo ngay với Ban Kiểm soát.
 - c. Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh hàng năm hoặc dự án đầu tư hàng năm của Công ty trình HĐQT quyết định; phê duyệt kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh của các bộ phận trong Công ty.
 - d. Tham mưu giá mua, giá bán nguyên liệu và các sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định).
 - e. Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp mở rộng sản xuất.
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý và người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- g. Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế theo Luật định. Được quyền ký kết các Hợp đồng do Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
- h. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty theo sự ủy quyền bằng văn bản của HĐQT.
- i. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý công ty, tham mưu về việc tuyển dụng lao động; quyết định tiền lương, phụ cấp đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT.
- j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh, các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Nếu điều hành trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty và trái với quyết định của HĐQT, gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- k. Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh để hoàn thành chỉ tiêu hàng năm về kinh tế, chính trị - xã hội của Công ty theo kế hoạch đã được HĐQT giao.
- l. Chế độ phân công trách nhiệm trong các Phó Tổng Giám đốc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được HĐQT thông qua. Việc phân công trách nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ. Tổng Giám đốc có thể thay đổi các nội dung đã được phân công khi xét thấy cần thiết hoặc có sự điều chỉnh lĩnh vực phân công theo dõi trong các Phó Tổng Giám đốc, việc điều chỉnh này phải có sự trao đổi bàn bạc trước với HĐQT và nội dung sửa đổi phải được thông qua bằng nghị quyết.
- m. Trong lĩnh vực tổ chức hành chính công ty:
- Tổng Giám đốc tổ chức các phòng, ban, quyết định nhân sự và nhiệm vụ hoạt động của các phòng, ban Công ty trên cơ sở cơ cấu tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
 - Điều hành hoạt động hành chính hiệu quả giữa các phòng ban để phục vụ công tác của HĐQT, công tác chính trị - xã hội khác. Phối hợp hoạt động tốt giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc, các Công ty khác có hợp tác với công ty.
 - Đề xuất, kiến nghị HĐQT việc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt Hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp của các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT.
- n. Trong lĩnh vực lao động tiền lương:

- Xây dựng và trình HĐQT phương án trả lương, thưởng cho tập thể, cá nhân người lao động theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Ký và giải quyết các vấn đề liên quan đến Hợp đồng lao động với nhân viên (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT).

o. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp thường lệ và bất thường của BGD; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp.

p. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết công việc khẩn cấp của công ty, khi đó Tổng Giám đốc phải thông báo trước về nội dung chương trình nghị sự dự kiến cần giải quyết tại cuộc họp và gửi các tài liệu cần thiết (nếu có) đến Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trước phiên họp HĐQT ít nhất là một ngày.

q. Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty, Giám đốc có quyền chủ động điều hành sản xuất kinh doanh theo thẩm quyền. Khi có các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố...) Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định hoặc cho áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó đồng thời phải báo cáo lại cho HĐQT trong vòng ba ngày kể từ ngày đưa ra quyết định.

2. 2. Người đại diện theo ủy quyền.

Tổng Giám đốc chỉ được ủy quyền theo một trong ba phương thức ủy quyền sau:

2.1. Ủy quyền toàn quyền: Nếu Tổng Giám đốc vì lý do nào đó vắng mặt tại Công ty quá 30 ngày thì phải có giấy ủy quyền toàn bộ các công việc thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc cho Phó Tổng Giám đốc và báo cáo bằng văn bản việc ủy quyền toàn bộ đó cho Chủ tịch HĐQT. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện sau khi HĐQT chấp thuận. Người nhận ủy quyền chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về những việc đã làm theo ủy quyền và phải báo cáo lại cho Tổng Giám đốc.

2.2. Ủy quyền vụ việc: Các công văn, quyết định và một số công việc cụ thể do Công ty được Giám đốc ủy quyền bằng văn bản theo lĩnh vực được phân công. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại.

2.3. Ủy quyền theo hình thức phân quyền thường xuyên: Phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể được thể hiện tại Quy chế này. Các Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền theo hình thức phân quyền thường xuyên được quyền chủ động tổ chức thực

hiện các công việc được ủy quyền. Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Giám đốc, HĐQT và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền không được ủy quyền lại.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc điều hành không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo các quy định về công bố thông tin hiện hành

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành do HĐQT quyết định và được nêu trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của Phó Tổng Giám đốc.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc phân công phụ trách quản lý, điều hành các hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của công ty. Phó Tổng Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc thông qua việc ủy quyền toàn bộ hoặc từng vụ việc cụ thể trong trường hợp được Tổng Giám đốc ủy quyền.
2. Quyền tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp của HĐQT; quyền được bảo lưu ý kiến khác với quyết định của Tổng Giám đốc hoặc HĐQT. Trong trường hợp phát hiện thấy quyết định của Tổng Giám đốc không phù hợp các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Phó Giám đốc có trách nhiệm báo cáo lại Tổng Giám đốc để sửa đổi hoặc thay thế. Trường hợp Tổng Giám đốc không thay đổi quyết định, Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định.
3. Thường xuyên báo cáo Tổng Giám đốc về những công việc thực hiện được do Tổng Giám đốc phân công; có trách nhiệm chuẩn bị dự thảo của các đề án, quyết định, văn bản tài liệu liên quan đến lĩnh vực mình được phân công phụ trách trình lên Giám đốc theo lịch phân công công việc hoặc theo thời gian yêu cầu cụ thể của Tổng Giám đốc.
4. Thay mặt Tổng Giám đốc làm việc và cung cấp thông tin cho các cổ đông, cơ quan báo chí có liên quan theo lĩnh vực được phân công. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc công bố thông tin trung thực và tuân thủ quy chế bảo mật của công ty.
5. Tham mưu với Tổng Giám đốc công ty, HĐQT về cơ cấu tổ chức, điều hành, năng lực để thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao phụ trách. Chịu trách nhiệm cùng với Tổng Giám đốc Công ty trong việc bảo vệ khối lượng, nhận chỉ định thầu, đấu thầu các dịch vụ thường xuyên với đối tác đối với lĩnh vực được phân công.
6. Quyền ký và ban hành các văn bản báo cáo sau:
 - a. Các văn bản, báo cáo điều hành, triển khai công việc gửi trong nội bộ công ty, các văn bản khảo sát, nghiệm thu công việc theo lĩnh vực được phân công.
 - b. Các văn bản báo cáo phát hành ra bên ngoài Công ty theo lĩnh vực được giao, trừ trường hợp nội dung văn bản, báo cáo nhạy cảm hoặc có tầm ảnh hưởng lớn thì phải trao đổi, giải trình, thảo luận với Tổng Giám đốc về các vấn đề được đề cập trong các văn bản để Tổng Giám đốc ký ban hành hoặc ủy quyền ký ban hành.

7. Quyền ký duyệt chủ trương cho công tác mua vật tư, hàng hóa, các hợp đồng thiết kế, thi công... đối với các lĩnh vực được giao điều hành.

Điều 23. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng.

Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Kế toán trưởng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc và thực hiện công việc theo sự phân công của Tổng giám đốc. Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng và thực hiện hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán và điều hành nghiệp vụ kế toán của Công ty theo các quy định hiện hành của Pháp luật. Quy trình nghiệp vụ kế toán phải phù hợp với chế độ kế toán mà công ty đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.
2. Tổ chức, quản lý và giám sát việc tuân thủ chế độ bảo mật đối với mọi sổ sách, chứng từ, thông tin, tài liệu, số liệu kế toán tài chính. Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) chỉ được phép cung cấp số liệu cho Kiểm soát viên hoặc theo yêu cầu của các đối tượng khác khi có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
3. Tổ chức, quản lý và giám sát các hoạt động kế toán của các đơn vị, bộ phận, chi nhánh trong công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp về tính thống nhất, chính xác của các nghiệp vụ kế toán trong toàn công ty.
4. Tất cả các chứng từ, sổ sách kế toán đều thông qua Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) ký trước khi trình Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc ký duyệt. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm cao nhất về tính trung thực của các số liệu ghi trong sổ sách, chứng từ trước Chủ tịch HĐQT, HĐQT và Tổng Giám đốc. Khi có lỗi kỹ thuật phải sửa lại các số liệu trong sổ sách kế toán phải theo đúng các quy định hiện hành. Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của việc sửa chữa các số liệu này.
5. Xây dựng trình Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc kế hoạch tài chính của công ty hàng năm hoặc dài hạn. Tham mưu, đề xuất với Tổng giám đốc về các quy chế vay mượn, cầm cố, thế chấp, mua bán tài sản theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm giúp Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản của công ty có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

6. Khi có lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc thì kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) phải có nghĩa vụ chấp hành. Nếu thấy lệnh đó có bất kỳ vấn đề nào chưa rõ ràng hoặc có dấu hiệu vi phạm nguyên tắc tài chính thì kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) vẫn phải chấp hành nhưng được quyền báo cáo trực tiếp cho HĐQT hoặc trưởng Ban Kiểm soát.

7. Chịu trách nhiệm cùng với Tổng giám đốc lập các báo cáo tài chính như sau:

7.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm, bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh, bảng lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính, bảng tăng giảm tài sản, tình hình thực hiện nghĩa vụ Nhà nước, thuế VAT, thuế thu nhập, tình hình tăng giảm nguồn vốn, chi tiết công nợ, tăng giảm tài sản, một số chỉ tiêu đánh giá v.v... của công ty theo quy định.

7.2. Các báo cáo hàng tháng, hàng quý, năm lập theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty.

7.3. Chịu trách nhiệm bảo quản các tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động tài chính kế toán trong toàn công ty.

Điều 24. Các phiên họp của BGD.

1. BGD họp thường kỳ 02 tuần/lần, hàng quý hoặc bất thường. Các phiên họp của BGD có thể được tổ chức theo hình thức giao ban mở rộng đến các phòng ban, đơn vị sản xuất trực thuộc.

a. Phiên họp giao ban thường kỳ do Tổng giám đốc triệu tập theo lịch công tác của công ty, địa điểm và thời gian được sắp xếp cho phù hợp với tình hình thực tế do Tổng giám đốc ấn định. Thành phần tham dự cuộc họp BGD ngoài thành viên BGD, có thể mời thêm một số thành viên như HĐQT, Ban Kiểm soát, Công Đoàn (*chủ tịch*), Trưởng, phó các phòng/ban, cán bộ quản lý khác trong công ty.

b. Phiên họp bất thường để giải quyết các công việc đột xuất của công ty được Tổng Giám đốc triệu tập hoặc theo đề nghị của một trong các thành viên BGD.

c. Các thành viên BGD cũng có quyền triệu tập cuộc họp BGD có sự tham gia của HĐQT, ban Kiểm soát, trong trường hợp Tổng Giám đốc sai phạm nghiêm trọng.

2. Nội dung các phiên họp BGD là tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các bộ phận, đơn vị thành viên hay các dự án đầu tư, các vấn đề còn tồn tại của các phiên họp trước đó hay bất kỳ đề xuất, kiến nghị nào của thành

viên BTGD. Ngoài ra trong phiên họp này, các thành viên BGD có nghĩa vụ báo cáo, giải trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc), gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

Được thực hiện theo quy định tại điều 8 (Hợp HĐQT)

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát; Giám đốc (Tổng Giám đốc);

Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT sẽ được chuyển cho BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc) chậm nhất 03 ngày kể từ ngày có quyết định

3. Các trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Chủ tịch HĐQT phải tổ chức tiến hành họp HĐQT trong vòng 15 ngày kể từ ngày Giám đốc (Tổng giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và Ban kiểm soát phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

a. Báo cáo bằng văn bản cho HĐQT hàng quý và hàng năm về tình hình hoạt động và tài chính của công ty, nội dung báo cáo gồm kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh cho thời gian tiếp theo (tài chính, tổ chức, nhân sự, các hoạt động khác) và đề xuất, kiến nghị xin phê duyệt của HĐQT (nếu có).

b. Báo cáo tổng hợp của BGD trong phiên họp giao ban của Công ty về tình hình hoạt động, tài chính và vấn đề tổ chức quản lý hoạt động trong công ty.

c. Ngoài ra Tổng Giám đốc phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT. Việc thực hiện các báo cáo trên phải được lập thành văn bản.

d. Báo cáo của Tổng Giám đốc phải trung thực, chính xác và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước cơ quan chức năng về các nội dung được đề cập trong các bản báo cáo.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc);

Hàng tháng, căn cứ báo cáo của Giám đốc (Tổng giám đốc), HĐQT tiến hành họp kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc theo quy định nội bộ của công ty.

6. Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

a. Các vấn đề Giám đốc (Tổng giám đốc) phải báo cáo

- Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- Các báo cáo khác khi được yêu cầu.

b. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc) cung cấp thông tin. Tất cả các thông báo phải gửi đến cho HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản và trong thời gian sớm nhất.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Tất cả thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trao đổi qua lại dựa trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều

kiện cho nhau làm việc theo đúng điều lệ công ty, các quy định nội bộ và kế hoạch kinh doanh chung của công ty.

Các thành viên HĐQT, BKS và Ban giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành của nhau.

Trong một số trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, BKS và Ban giám đốc có thể thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc tất cả để giải quyết công việc một cách kịp thời, hiệu quả.

Điều 26. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác;

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của công ty sẽ họp, đánh giá và xem xét khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác;

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO bao gồm 06 chương, 27 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO ngày 08/5/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO ngày 08/5/2021;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (Tập đoàn) có Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện cho cổ phần, bằng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn.

Đại hội đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Nhất trí phê chuẩn Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như nội dung đã được nêu trong tài liệu báo cáo Đại hội và giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, trong đó:

- Tổng doanh thu: 470.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 80.000.000.000 đồng

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 2: Phê chuẩn Báo cáo Kiểm điểm của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị năm tài chính 2020 và nhiệm vụ quản trị năm 2021 như nội dung đã được nêu trong tài liệu báo cáo Đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 3: Phê chuẩn Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2020 và nhiệm vụ kiểm soát năm 2021 như nội dung đã được nêu trong tài liệu báo cáo Đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 4: Phê chuẩn Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, tiến hành kiểm toán theo đúng các chuẩn mực quy định, như nội dung đã được nêu trong tài liệu báo cáo Đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 5: Phê chuẩn mức thù lao trung bình đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2020 và 2021 là:

- Thành viên Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Nếu phần đầu vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận thì Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thưởng 10% trên lợi nhuận vượt mức kế hoạch năm 2021.
- Mức thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát là trước thuế. Các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm khai báo và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 6: Phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 64.187.695.211 đồng:

- Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt, tỷ lệ 6% (mỗi cổ phiếu được nhận 600 đồng).

Lợi nhuận để lại chưa phân phối dùng để tái đầu tư, đồng thời nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn lưu động cho các Công ty thành viên của Tập đoàn, hạn chế các rủi ro thanh khoản cho doanh nghiệp trong năm 2021, gia tăng lợi ích cho cổ đông. Phần đầu năm 2021 được chia cổ tức mức từ 8-10%.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 để soát xét báo cáo tài chính bán niên 2021 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc Công ty đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được

kiểm toán của Công ty. Thời hạn ủy quyền từ ngày 08/5/2021 đến ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua chủ trương đầu tư 06 dự án trong nhiệm kỳ 2021-2026 (Kèm theo tờ trình số/2021/TT-HAP), bao gồm:

1. Dự án nhà máy chế biến cà phê Sơn La – Tập đoàn HAPACO
2. Dự án Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Việt – Hàn
3. Dự án Nhà máy điện năng lượng tái tạo (điện gió) tại tỉnh Gia Lai
4. Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi quốc tế Sông Giá Minh Tân
5. Dự án Khu nhà ở Thương mại tại số 441A Tôn Đức Thắng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
6. Dự án Nhà máy Giấy Kraft giai đoạn II – nâng công suất lên 50.000 tấn/năm.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 10: Thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ năm 2021 (Kèm theo tờ trình số:...../2021/TT-HAP)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 11: Thông qua việc điều chỉnh, loại bỏ, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của công ty (Kèm theo tờ trình số:...../2021/TT-HAP)

Điều 12: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

Điều 13: Thông qua quy chế quản trị nội bộ công ty

Điều 14: Thông qua quy chế hoạt động của HĐQT

Điều 15: Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Điều 16: Đại hội đã bầuthành viên HĐQT vàthành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2021-2026, cụ thể:

Hội đồng quản trị Công ty gồm:thành viên

1./ Ông:.....

2./ Ông:.....

3./ Ông:.....

4./ Ông:.....

5./ Ông:.....

6./ Ông:.....

7./ Ông:.....

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 họp phiên đầu tiên đã thống nhất bầu ông.....giữ chức vụ **Chủ tịch HĐQT Công ty.**

Ban Kiểm soát Công ty gồm:thành viên

1./ Ông:.....

2./ Ông:.....

3./ Ông:.....

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 họp phiên đầu tiên đã thống nhất bầu ông.....giữ chức vụ **Trưởng Ban kiểm soát Công ty.**

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 17: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08/5/2021. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO./.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- UBCKNN/b/c
- Sở GD&ĐT/TPHCM/b/c
- Quý Cổ đông/d/b
- Lưu HCNS

CHỦ TỊCH HĐQT
TS. Vũ Dương Hiền